Unit 4: When's your birthday?



Write the items below in English.

I. VOCABULARY

English	Vietnamese	English	Vietnamese
1.	tháng 1	18.	mùng 6
2.	tháng 2	19.	mùng 7
3.	tháng 3	20.	mùng 8
4.	tháng 4	21.	mùng 9
5.	tháng 5	22.	mùng 10
6.	tháng 6	23.	ngày 11
7.	tháng 7	24.	ngày 12
8.	tháng 8	25.	ngày 13
9.	tháng 9	26.	ngày 14
10.	tháng 10	27.	ngày 15
11.	tháng 11	28.	ngày 16
12.	tháng 12	29.	ngày 17
13.	mùng 1	30.	ngày 18
14.	mùng 2	31.	ngày 19
15.	mùng 3	32.	ngày 20
16.	mùng 4	33.	ngày 21
17.	mùng 5	34.	ngày 30

II. STRUCTURES

	Hôm nay là ngày tháng mấy?
	Hôm nay là ngày 11 tháng 8.
	Hôm nay là ngày tháng mấy?
	Hôm nay là ngày 20 tháng 10.

	Sinh nhật bạn vào khi nào?
	Nó vào ngày 21 tháng 7.
	Sinh nhật của cô ấy vào khi nào?
	Nó vào ngày 5 tháng 11.

LIVEWORKSHEETS